

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế**  
**của Trường THCS Xuân Trường**  
**Năm học 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>1,395</b>	<b>439</b>	<b>361</b>	<b>236</b>	<b>359</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1,224 89.15%	409 93.17%	318 88.09%	178 75.42%	319 88.86%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	163 11.68%	26 5.92%	39 10.80%	58 24.58%	40 11.14%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	7 0.5%	3 0.68%	4 1.11%	0	0
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.07%	1 0.23%	0	0	0
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>1,395</b>	<b>439</b>	<b>361</b>	<b>236</b>	<b>359</b>
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	384 27.53%	134 30.52%	96 26.59%	62 26.27%	92 25.63%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	524 37.56%	167 38.04%	134 37.12%	76 32.20%	147 40.95%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	463 33.19%	132 30.07%	123 34.07%	90 38.14%	118 32.87%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	24 1.72%	6 1.37%	8 2.22%	8 3.39%	2 0.56%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>1,395</b>	<b>439</b>	<b>361</b>	<b>236</b>	<b>359</b>
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1,371 98.28%	433 98.63%	353 97.78	228 96.61%	359 100%
a	Học sinh giỏi/xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	159 11.4%	34 7.74%	19 5.26%	15 6.36%	91 25.35%
b	Học sinh tiên tiến/giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	372 26.67%	100 22.78%	77 21.33%	47 19.92%	148 41.23%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	40 2.87%	12 2.73%	16 4.43%	12 5.08%	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	22 1.58%	6 1.37%	8 2.22%	8 3.39%	0
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	25 1.79%	2 0.14%	1 0.07%	12 0.86	10 0.71%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>					
1	Cấp thành phố Thủ Đức	39				
2	Cấp tỉnh/thành phố	15				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0				
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	<b>359</b>				
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>	<b>359</b>				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	92 25.6%				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	147 40.9%				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	120 33.4%				
<b>VII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	<b>1,395</b>	<b>439</b>	<b>361</b>	<b>236</b>	<b>359</b>
	Số HS Nam	650	213	173	105	159
	Số HS Nữ	745	226	188	131	200
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	<b>57</b>	<b>28</b>	<b>11</b>	<b>9</b>	<b>9</b>

Thành phố Thủ Đức, ngày 30 tháng 08 năm 2024

  
**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG**  
**TRUNG HỌC CƠ SỞ**  
**XUÂN TRƯỜNG**  
**Nông Quốc Tuấn**